



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

---

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IX/2015



HÀ NỘI, THÁNG X/2015

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Website: <http://www.imh.ac.vn>

## MỤC LỤC

|                                                                                                 | <b>Trang</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2015 .....                                                      | 1            |
| 1. Vùng Tây Bắc.....                                                                            | 1            |
| 2. Vùng Việt Bắc.....                                                                           | 2            |
| 3. Vùng Đông Bắc.....                                                                           | 4            |
| 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....                                                                  | 5            |
| 5. Vùng Bắc Trung Bộ .....                                                                      | 6            |
| 6. Vùng Trung Trung Bộ.....                                                                     | 8            |
| 7. Vùng Nam Trung Bộ.....                                                                       | 9            |
| 8. Vùng Tây Nguyên .....                                                                        | 11           |
| 9. Vùng Nam Bộ.....                                                                             | 12           |
| II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT<br>NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2015 ..... | 13           |
| 1. Tình hình trồng trọt: .....                                                                  | 14           |
| 2. Tình hình sâu bệnh trên lúa.....                                                             | 16           |
| III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2015.....                                                | 18           |
| IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....                                                                      | 19           |
| V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....                                                                      | 20           |

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-1,2^{\circ}\text{C}$  đến  $1,1^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ  $-225\text{mm}$  đến  $519\text{mm}$  (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ  $-88$  giờ đến  $-11$  giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-6\%$  đến  $7\%$ ).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

### 1. Vùng Tây Bắc

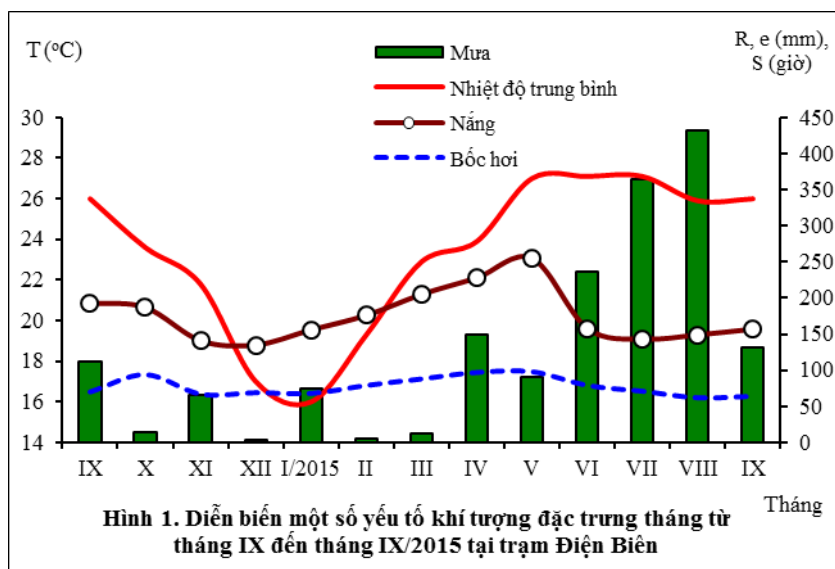
#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-0,7$  đến  $1,1^{\circ}\text{C}$ ); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $18,9^{\circ}\text{C}$  (Sìn Hồ) đến  $26,6^{\circ}\text{C}$  (Mường Lay) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ  $16,4^{\circ}\text{C}$  đến  $23,9^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $9,7^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 30/IX tại Sìn Hồ, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $22,9^{\circ}\text{C}$  (Sìn Hồ) đến  $32,6^{\circ}\text{C}$  (Mường Lay), giá trị cao nhất là  $35,4^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 22/IX tại Kim Bôi. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

#### 1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng IX/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-202mm đến -24mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 95mm đến 347mm, cao nhất là 494mm tại Lạc Sơn.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 29mm đến 126mm, cao nhất là 140mm vào ngày 12/IX tại Lạc Sơn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 21 ngày, cao nhất là 24 ngày tại Lạc Sơn. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 12 ngày, cao nhất là 17 ngày tại Mường Lay; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng IX/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -71 giờ đến -22 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 77 giờ đến 167 giờ, cao nhất là 170 giờ (Mường Lay) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2015 dao động từ 81% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -5% đến -3%). *Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 15% xảy ra vào ngày 29/IX tại Than Uyên, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2015 có giá trị phổ biến từ 27mm đến 82mm, cao nhất là 103mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-304mm đến -52mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 6mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày và có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 8 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -1,0°C đến 0,8°C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 17,1°C (Sa Pa)

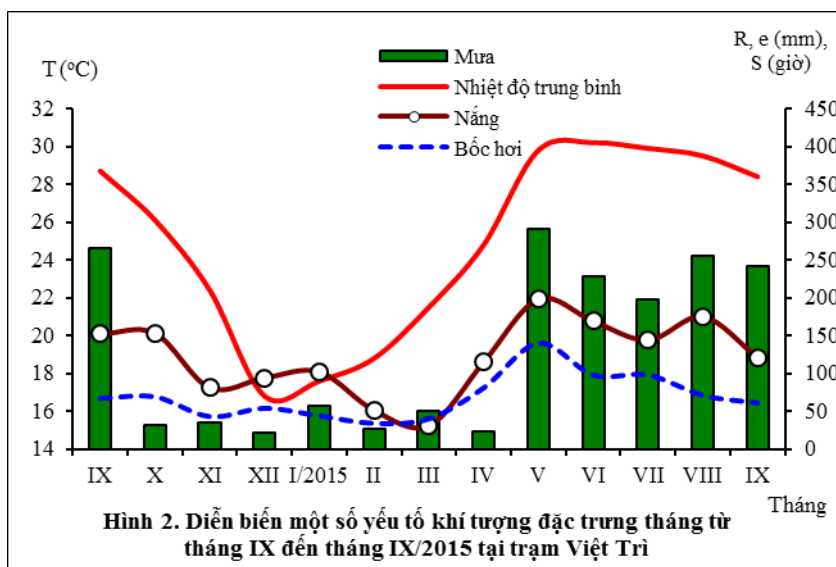
đến 27,1<sup>0</sup>C (Lào Cai);

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,8<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 24,7<sup>0</sup>C (Vĩnh Yên), nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/IX tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 20,6<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 31,9<sup>0</sup>C (Lào Cai, Hà Giang và Bắc Quang), nhiệt độ không khí cao nhất là 35,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/IX tại Yên Bái.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 70mm đến 339mm, cao nhất là 352mm tại Thái Nguyên; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-225mm đến 118mm).



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Việt Trì

Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 33mm đến 134mm, cao nhất là 136mm xảy ra vào ngày 04/IX tại Định Hóa. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 12 - 18 ngày, cao nhất là 20 ngày tại Sa Pa và Vĩnh Yên. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 93 giờ đến 155 giờ, cao nhất là 167 giờ (Lào Cai), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-88 giờ đến -11 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2015 phổ biến từ 82 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25%, xảy ra vào ngày 29/IX tại Lào Cai và Sa Pa.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 35mm đến 72mm, cao nhất là 85mm tại Lào Cai, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp

hơn giá trị lượng mưa (-287mm đến -62mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 5mm.

#### 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 8 ngày.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -1,0 đến -0,3<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 23,1<sup>0</sup>C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 26,8<sup>0</sup>C (Uông Bí) (hình 10).

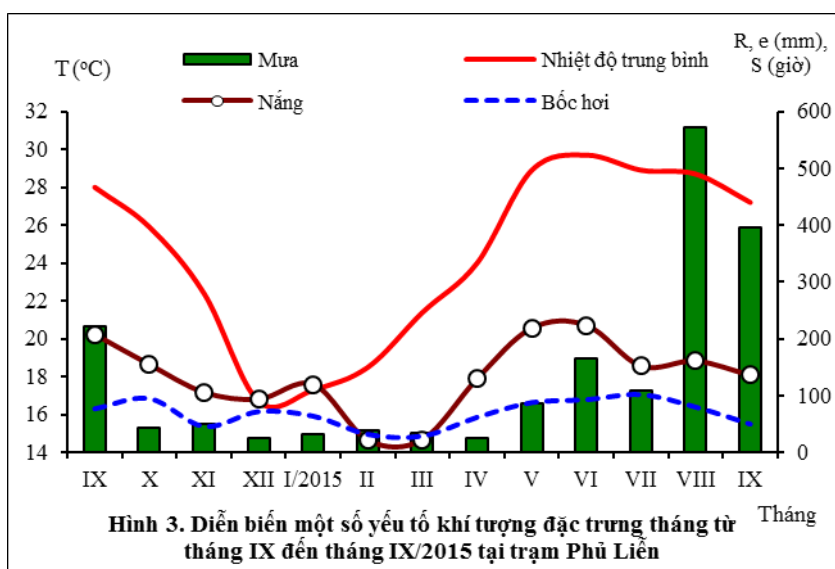
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 28,4<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 31,6<sup>0</sup>C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/IX tại Thất Khê.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 20,1<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 24,5<sup>0</sup>C (Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 29/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2015 dao động phổ biến từ 51mm đến 379mm, cao nhất là 456mm tại Cửa Ông, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-112mm đến 92mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 12 đến 97mm, cao nhất là 104mm xảy ra vào ngày 02/IX tại Hữu Lũng.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục



phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-85 giờ đến -24 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 106 giờ (Sơn Động) đến 140 giờ (Trùng Khánh), cao nhất là 148 giờ tại Cao Bằng.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 84 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 29/IX tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 45mm đến 73mm, cao nhất là 90mm tại Thất Khê. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-387mm đến -40mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 8mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 3 ngày và có cường độ nhẹ;

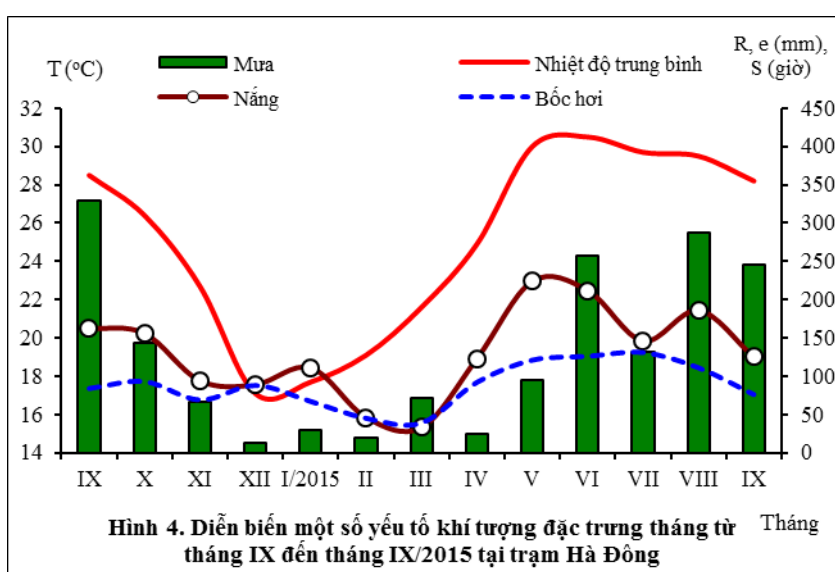
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 26,3<sup>0</sup>C (Ninh Bình và Thái Bình) đến 27,0<sup>0</sup>C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -1,2<sup>0</sup>C đến -0,4<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,4<sup>0</sup>C (Văn Lý) đến 30,5<sup>0</sup>C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí cao



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Hà Đông



nhất là 35,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 22/IX tại Láng và Hà Đông;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 23,9<sup>0</sup>C (Thái Bình) đến 24,9<sup>0</sup>C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 27/IX tại Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### ***4.2. Diễn biến về mưa***

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (31mm đến 314mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 222mm đến 406mm, cao nhất là 709mm tại Văn Lý.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 42 đến 94mm, cao nhất là 135mm xảy ra vào ngày 08/IX tại Văn Lý; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 4 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### ***4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 90 giờ (Hưng Yên và Nam Định) đến 107 giờ (Sơn Tây), cao nhất là 109 giờ tại Hải Dương; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -88 giờ đến -69 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% (Láng) đến 89% (Sơn Tây, Văn Lý, Ninh Bình và Thái Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 5% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 29/IX tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 46mm (Sơn Tây và Nam Định) đến 75mm (Hưng Yên), cao nhất là 81mm tại Văn Lý; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -628mm đến -149mm.

#### ***4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Láng với số ngày là 1 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 11 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện 1 ngày duy nhất tại Hà Đông.

### **5. Vùng Bắc Trung Bộ**

#### ***5.1. Diễn biến nhiệt độ***

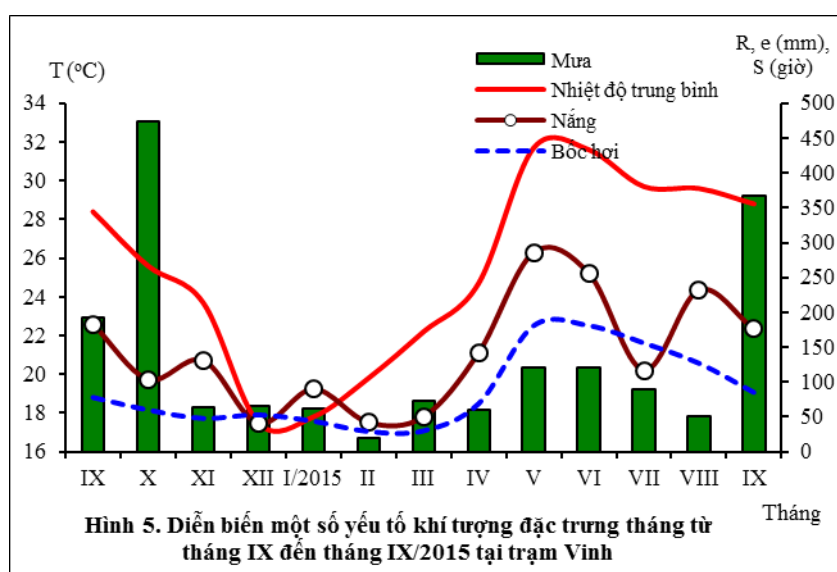
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4<sup>0</sup>C đến 0,7<sup>0</sup>C) (hình 10) và có giá trị từ 25,8<sup>0</sup>C (Hồi Xuân) đến 27,0<sup>0</sup>C (Kỳ Anh).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,3<sup>0</sup>C (Hà Tĩnh) đến 31,0<sup>0</sup>C (Tương Dương), giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 23/IX tại Tương Dương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,7<sup>0</sup>C (Hồi Xuân) đến 24,9<sup>0</sup>C (Kỳ Anh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 30/IX tại Tương Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## 5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 163mm đến 831mm, cao nhất là 1101mm tại Kỳ Anh, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-108mm đến 519mm) (hình 11).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Vinh

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 41 đến 209mm, cao nhất là 212mm, xảy ra vào ngày 08/IX tại Vinh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

## 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 64 (Hương Khê) đến 101 giờ (Tĩnh Gia), cao nhất là 110 giờ (Tương Dương); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở thấp hơn giá trị TBNN (từ -86 giờ đến -49 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% (Hà Tĩnh) đến 91% (Quỳ Hợp và Hương Khê), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh

giá trị TBNN (-6% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 29/IX tại Hội Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 3mm đến 70mm, cao nhất là 91mm tại Thanh Hóa; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 6mm, cao nhất là 9mm tại Thanh Hóa, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-1044mm đến -123mm).

#### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

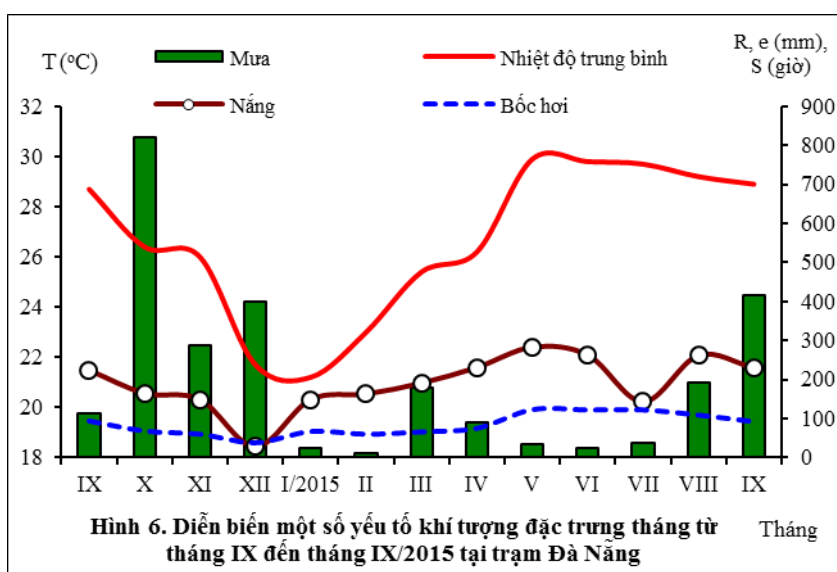
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày là 1ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 11 ngày.

### 6. Vùng Trung Trung Bộ

#### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2015 từ 24,5<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 27,3<sup>0</sup>C (Ba Đồn), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,5<sup>0</sup>C đến 0,5<sup>0</sup>C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,7<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 32,0<sup>0</sup>C (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 04/IX tại Tam Kỳ, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,5<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 25,1<sup>0</sup>C (Ba Đồn), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 30/I tại Khe Sanh.

#### 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IX/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 348mm đến 926mm, cao nhất là 948mm tại Đồng Hới. Ở mức cao hơn giá trị TBNN (66mm đến 503mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 75 đến 304mm, *cao nhất là 314mm xảy ra vào ngày 18/IX tại Nam Đông, đây là giá trị lượng mưa ngày lớn nhất toàn quốc.*

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 18 đến 25 ngày, cao nhất là 27 ngày tại Nam Đông và Trà My; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 22 ngày, cao nhất là 24 ngày tại Nam Đông; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng IX đến tháng IX/2015 trên hình 6.

### **6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 95 giờ đến 141 giờ, cao nhất là 146 giờ tại Đà Nẵng. Phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-75 giờ đến -28 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 85% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 04/IX tại Tam Kỳ.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 31mm đến 64mm, cao nhất là 65mm tại Huế. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-887mm đến -293mm).

### **6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 7 đến 15 ngày.

## **7. Vùng Nam Trung Bộ**

### **7.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2015 từ 26,8<sup>0</sup>C (Hoài Nhơn) đến 28,3<sup>0</sup>C (Quy Nhơn), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3<sup>0</sup>C đến 0,5<sup>0</sup>C (hình 10).

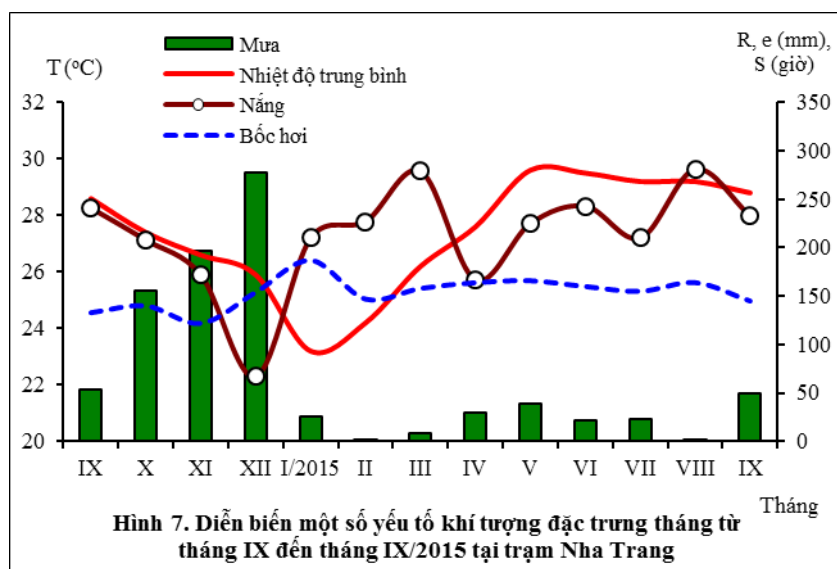
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,0<sup>0</sup>C (Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết và Phú Quý) đến 32,5<sup>0</sup>C (Tuy Hòa), giá trị nhiệt độ không khí

cao nhất là 35,9<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 04/IX tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,2<sup>0</sup>C (Hoài Nhơn) đến 25,9<sup>0</sup>C (Quy Nhơn), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 06/IX tại Hoài Nhơn và ngày 30/I tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng IX đến tháng IX/2015 được thể hiện trên hình 7.

## 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 92mm đến 249mm, cao nhất là 371mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -100mm



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Nha Trang

đến 82mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 15mm đến 66mm, cao nhất là 116mm, xảy ra vào ngày 26/IX tại Nha Trang.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 14 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 7 ngày.

## 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 148 giờ (Hoài Nhơn) đến 188 giờ (Phan Rang), cao nhất là 194 giờ tại Tuy Hòa, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-34 giờ đến -9 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 78% (Quy Nhơn) đến 85% (Hoài Nhơn), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 49% xảy ra vào ngày 24/IX tại Tuy Hòa.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 58mm đến 115mm, cao nhất là

132mm tại Phan Rang, đây là giá trị tổng lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -142mm đến -68mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2015 từ 18,3<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 26,4<sup>0</sup>C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,5<sup>0</sup>C đến 0,6<sup>0</sup>C, hình 10).

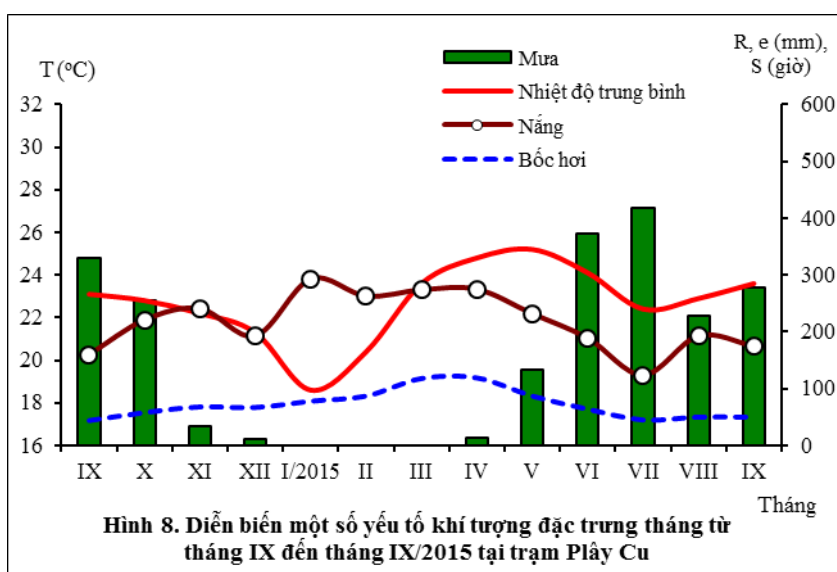
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,1<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 31,4<sup>0</sup>C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 02/IX tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,2<sup>0</sup>C (Đà Lạt) đến 23,7<sup>0</sup>C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 06/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2015 dao động từ 296mm đến 534mm, cao nhất là 612mm tại Kon Tum. Phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 29mm đến 292mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 40mm đến 93mm, cao nhất là 112mm vào ngày 26/IX tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 23 đến 28 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 15 đến 24 ngày, cao nhất là 28 ngày tại Đà Lạt, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại



trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2015 phổ biến từ 81 giờ (Bảo Lộc) đến 126 giờ (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 128 giờ tại Ayunpa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-58 giờ đến -9 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN, có giá trị phổ biến từ 84% (Ayunpa) đến 92% (Bảo Lộc); độ ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 08/IX tại Plây Cu và Ayunpa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 23mm (Đà Lạt) đến 54mm (Kon Tum), cao nhất là 69mm tại Ayunpa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-433mm đến -367mm).

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

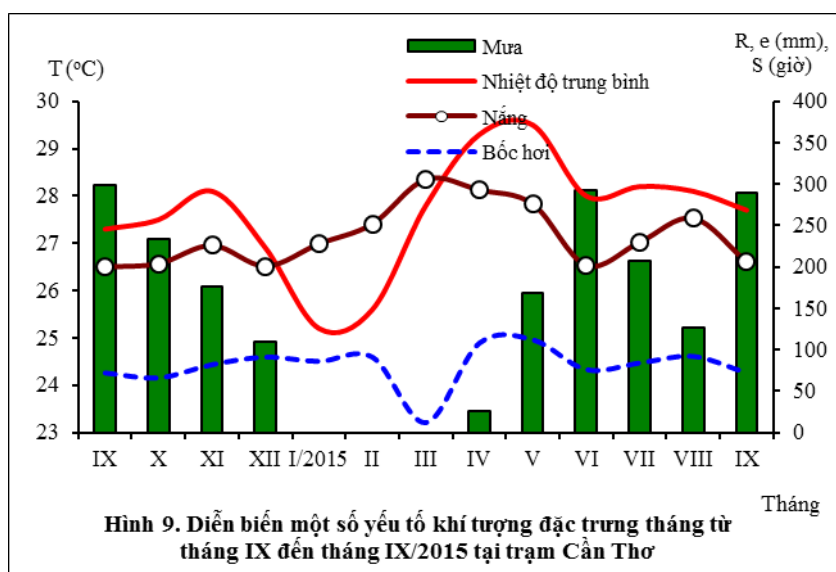
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 15 ngày.

## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2015 từ  $25,7^{\circ}\text{C}$  (Phước Long) đến  $27,9^{\circ}\text{C}$  (Vũng Tàu), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ  $-0,8^{\circ}\text{C}$  đến  $0,9^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Cần Thơ

bình tháng từ  $30,2^{\circ}\text{C}$  (Vũng Tàu) đến  $32,6^{\circ}\text{C}$  (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là  $35,8^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 02/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $23,3^{\circ}\text{C}$  (Phước Long) đến  $25,9^{\circ}\text{C}$  (Vũng Tàu), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $22,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 05/IX tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng IX đến tháng IX/2015 tại trạm Cần Thơ.



### **9.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng IX/2015 dao động phổ biến từ 85mm đến 411mm, cao nhất là 430mm tại Tây Ninh. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-162mm đến 124mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 17mm đến 87mm, cao nhất là 92mm xảy ra vào ngày 22/IX tại Rạch Giá.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 19 đến 27 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 18 ngày.

### **9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2015 phổ biến từ 109 giờ (Tân Sơn Nhất) đến 150 giờ (Bạc Liêu), cao nhất là 156 giờ tại Cần Thơ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-61 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% (Vũng Tàu) đến 91% (Tây Ninh), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 6%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 46% xảy ra vào ngày 01/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 46mm đến 86mm, cao nhất là 90mm tại Rạch Giá (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-374mm đến -137mm).

### **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Tân Sơn Nhất với số ngày là 4 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 22 ngày.

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2015**

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IX/2015 ở nhiều vùng của nước ta tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao, số giờ nắng xấp xỉ hoặc thấp hơn so với TBNN một ít, lượng mưa và số ngày mưa ở hầu hết các khu vực trong cả nước đều cao hơn TBNN ngoại trừ một số vùng trung du và miền núi phía Bắc lượng mưa thấp hơn TBNN nhưng phân bố đều trong tháng tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Vào giữa tháng, do ảnh hưởng của cơn bão số 3 đã có mưa lớn gây lũ lụt ở nhiều nơi thuộc



các tỉnh Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ làm thiệt hại nặng nề về người, của cải và sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng các địa phương miền Bắc bắt đầu thu hoạch trà lúa mùa sớm, tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ mùa/hè thu; các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa

### **1. Tình hình trồng trọt:**

- **Lúa hè thu:** Tính đến cuối tháng 9, trên địa bàn các tỉnh miền Nam đã thu hoạch được khoảng 1.765,3 ngàn ha lúa hè thu, chiếm 91,2% diện tích xuống giống và bằng 97,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL thu hoạch được gần 1.552 ngàn ha, tương ứng bằng 93,1% xuống giống và 98,1% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù diện tích xuống giống giảm, nhưng do thời tiết tương đối thuận lợi nên năng suất lúa hè thu cả nước ước đạt 54 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với năm 2014; sản lượng ước đạt 11,3 triệu tấn, tăng gần 122 nghìn tấn.

- **Lúa thu đông:** Tính đến cuối tháng diện tích lúa thu đông ở vùng ĐBSCL xuống giống đạt hơn 612 ngàn ha, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh có tiến độ xuống giống nhanh là Đồng Tháp và Kiên Giang đều tăng 14%, Cần Thơ tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, lúa thu đông đã thu hoạch khoảng 120 ngàn ha, bằng 19,4 % diện tích xuống giống, năng suất ước đạt 54,3 tạ/ha. Diện tích còn lại chủ yếu ở giai đoạn trổ bông, chín, sinh trưởng và phát triển tốt.

- **Lúa mùa:** Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy đạt 1.720,2 ngàn ha, bằng 96,9% so với cùng kì năm trước, trong đó các tỉnh Miền Bắc đã kết thúc gieo cấy, đạt diện tích 1.165,6 ngàn ha, bằng 99,1% so với cùng kỳ năm trước; riêng các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng gieo cấy đạt 559,1 ngàn ha, bằng 99,2% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa mùa giảm do đầu vụ Miền Nam nắng hạn, Miền Bắc mưa lũ nên các địa phương chuyển đổi mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Lúa mùa tại các địa phương phía Bắc đã trổ bông, trà lúa sớm đang trong giai đoạn vào chắc và chín. Hiện nay, trà chính vụ đang ở giai đoạn sinh trưởng, làm đòng, trổ bông, riêng trà sớm và cực sớm đã bắt đầu cho thu hoạch kịp thời giải phóng đất để trồng cây vụ đông sớm, có hơn 116 nghìn ha

lúa mùa đã cho thu hoạch. Theo ước tính sơ bộ ban đầu của các tỉnh, năng suất lúa mùa các địa phương miền Bắc ước đạt trên 50 tạ/ha, tăng nhẹ so cùng kỳ; Sản lượng toàn miền ước đạt trên 5,84 triệu tấn, giảm khoảng 1% so vụ mùa 2014 do diện tích giảm 1,3%. Lúa mùa ở các tỉnh miền Nam tính đến trung tuần tháng 9, mới xuống giống 554,6 ngàn ha, bằng 92,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh ĐBSCL đạt 228,5 ngàn ha, bằng 95% so với cùng kỳ, do đầu vụ bị nắng hạn và các địa phương chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng. Theo đánh giá sơ bộ từ các địa phương, nếu điều kiện thời tiết thuận lợi, thì năng xuất lúa mùa cả nước ước tính đạt 49,3 tạ/ha, tăng nhẹ (từ 0,3 đến 0,5 tạ/ha); sản lượng ước tính đạt gần 9,5 triệu tấn, giảm khoảng 71 nghìn tấn so với vụ mùa năm 2014. Như vậy, ước tính sản lượng lúa cả năm 2015 ước đạt 45,1 triệu tấn, tăng 0,3%, trong đó lúa đông xuân đạt 20,69 triệu tấn, giảm 158,8 nghìn tấn (-0,8%); lúa hè thu và thu đông.

- **Cây hàng năm khác:** Diện tích gieo trồng một số loại cây hàng năm khác năm nay giảm nhẹ so cùng kỳ. Đến trung tuần tháng 9, cả nước đã gieo trồng được 1050,7 nghìn ha ngô; khoai lang 119,0 nghìn ha, đậu tương 96,1 nghìn ha; lạc 189,9 nghìn ha, và 836 nghìn ha rau, đậu.

- **Cây lâu năm:**

+ **Cây ăn quả:** Do nắng nóng và mưa trái mùa, sương muối nên một số cây ăn trái ra hoa có tỷ lệ đậu quả thấp, năng suất giảm. Bên cạnh đó, dịch bệnh và tình hình chuyển đổi sang các loại cây trồng giống mới (giống lai) nên diện tích và sản lượng một số cây bị ảnh hưởng. Sản lượng xoài 9 tháng ước đạt 91%; sản lượng nho đạt 130%; sản lượng chuối đạt 98,3%; sản lượng nhãn đạt 98,7%; sản lượng vải đạt 95,3%; sản lượng cam đạt 92%; sản lượng bưởi đạt 100,6% so với năm trước.

+ **Cây công nghiệp lâu năm:** Trong những năm gần đây, các địa phương tiếp tục phát triển các giống chè, hồ tiêu cho năng suất, chất lượng cao; Trong năm 2015, do nhiều diện tích cây lâu năm đến kỳ cho sản phẩm nên sản lượng các cây trồng vẫn đạt khá. Sản lượng chè 9 tháng ước đạt 828 nghìn tấn, tăng 2,5%; sản lượng hồ tiêu đạt 169,6 nghìn tấn, tăng 10%; sản lượng cao su đạt 730 nghìn tấn, tăng 3,8%; sản lượng điều đạt 345 nghìn tấn, bằng 100% so cùng kỳ.

Ở Mộc Châu chè lớn hái búp, ở Phú Hộ, Ba Vì chè đang trong giai đoạn

nảy chồi, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Đồng bằng Bắc Bộ ngô đang trong giai đoạn lá thứ 7, trạng thái sinh trưởng và phát triển khá, đậu tương lá kép thứ 3 trạng thái sinh trưởng và phát triển khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc đang trong giai đoạn hình thành củ, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả và quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

## **2. Tình hình sâu bệnh trên lúa**

Theo thống kê của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 9 một số loại bệnh có phát sinh tăng so với cùng kỳ năm trước như dịch ốc brou vàng hại lúa, chuột hại lúa, lem lép hạt hại lúa, nhện gié hại lúa và sâu đục thân hại lúa, đặc biệt là dịch rầy nâu hại lúa có diện tích nhiễm nhiều nhất (41.418 ha), dịch chủ yếu bùng phát tại các tỉnh Bắc Bộ và ĐBSCL. Một số bệnh có phát sinh giảm nhiều so với cùng kỳ .

*Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:*

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 176.351 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 45.416 ha.
- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 81.724 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 7.192 ha. Tập trung chủ yếu tại Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Bệnh đạo cỏ bông: Tổng diện tích nhiễm 12.677 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 24 ha. Bệnh hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Bệnh đạo ôn lá: Gây hại ở các tỉnh Bắc Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 20.056 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 238 ha.
- Chuột: Tổng diện tích hại 16.837 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 996 ha; mất trắng 9,8 ha (Ninh Bình 8,8 ha; Hà Tĩnh 1 ha). Chuột hại tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 4.488 ha, trong đó nhiễm nặng 21 ha. Sâu gây hại chủ yếu tại Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 19.224 ha, nặng 764 ha. Bệnh tập trung tại

các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 25.475ha, tăng so với cùng kỳ năm trước; trong đó nhiễm nặng 584 ha tập trung tại Bắc Trung Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh trên toàn quốc với tổng diện tích 163.089 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng là 11.954 ha.

- Nhện gié hại lúa: Chủ yếu hại trung bình – nhẹ với tổng diện tích 8.292 ha, tập trung tại các tỉnh Quảng Trị, Huế và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2015**

| Số TT | Các vùng sinh thái nông nghiệp | Trạm        | Các giai đoạn phát triển của cây trồng   | Trạng thái sinh trưởng của cây trồng | Độ ẩm đất         | Tác động của thiên tai, sâu bệnh |
|-------|--------------------------------|-------------|------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1     | Tây Bắc, Việt Bắc              | Mộc Châu    | Chè lớn lá thật 1                        | Khá                                  | TB                |                                  |
| 2     |                                | Văn Chấn    | Chuyển vụ                                |                                      |                   |                                  |
| 3     |                                | Điện Biên   | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | TB                                   | TB                |                                  |
| 4     |                                | Tuyên Quang | Lúa xuân hè chắc xanh                    | TB                                   | ẩm                |                                  |
| 5     | Đông Bắc                       | Lạng Sơn    | Lúa mùa                                  | TB                                   | 3cm               |                                  |
| 6     |                                | Bắc Giang   | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | Khá                                  | 3cm               |                                  |
| 7     |                                | Uông Bí     | Lúa mùa ngậm sữa - chắc xanh             | Khá                                  | 3 cm              |                                  |
| 8     | Trung du Bắc Bộ                | Phú Hộ      | Chè lớn búp hái                          | TB                                   | ẩm                |                                  |
| 9     |                                | Ba Vì       | Chè lớn nảy chồi                         | TB                                   | TB                |                                  |
| 10    | Đồng bằng sông Hồng            | Hà Đông     | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | TB                                   | 3 cm              |                                  |
| 11    |                                | Hoài Đức    | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | Khá                                  | 24cm              |                                  |
|       |                                |             | Ngô lá thứ 7                             | Khá                                  | Ẩm                |                                  |
|       |                                |             | Đậu tương lá kép thứ 3                   | Khá                                  | Ẩm                |                                  |
|       |                                |             | 12                                       | Hải Dương                            | Lúa mùa chắc xanh | Khá                              |
| 13    |                                | Hưng Yên    | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | Khá                                  | 3 cm              |                                  |
| 14    |                                | Nam Định    | Lúa mùa chín hoàn toàn                   | TB                                   | 4 cm              |                                  |
| 15    |                                | Ninh Bình   | Lúa mùa chắc xanh                        | TB                                   | 3 cm              |                                  |
| 16    |                                | Thái Bình   | Lúa mùa ngậm sữa                         | Khá                                  | 3 cm              |                                  |
| 17    | Bắc Trung Bộ                   | Yên Định    | Lạc hình thành củ<br>Đậu tương thu hoạch | Kém                                  | TB                |                                  |
| 18    |                                | Thanh Hoá   | Thu hoạch lúa mùa                        |                                      |                   |                                  |

|    |            |           |                                               |           |             |  |
|----|------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------|-------------|--|
| 20 |            | Quỳnh Lưu | Chuyển vụ                                     |           |             |  |
| 21 |            | Đô Lương  | Thu hoạch lúa mùa                             |           |             |  |
| 22 | Nam        | An Nhơn   | Chuyển vụ                                     |           |             |  |
| 23 | Trung Bộ   | Tuy Hoà   | Chuyển vụ                                     |           |             |  |
| 24 | Tây Nguyên | Eakmat    | Cà phê hình thành quả                         | Tốt       | Ấm          |  |
| 25 | Nam Bộ     | Xuân Lộc  | Cà phê quả chín                               | TB        | Quá ấm      |  |
| 26 |            | Mỹ Tho    | Lúa mùa đẻ nhánh                              | TB        | 3 cm        |  |
| 27 |            | Bạc Liêu  | Lúa hè thu chín HT<br>Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5 | TB<br>Khá | 4 cm<br>3cm |  |
| 28 |            | Trà Nóc   | Lúa hè thu chắc xanh                          | TB        | 3 cm        |  |

### III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2015

#### 3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng hụt chuẩn ở khu vực từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi và một phần nhỏ diện tích thuộc khu vực Tây Nam Bộ với xác suất từ 66 đến 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến 1°C trên đa phần diện tích cả nước; từ -0,5 đến 0°C trên khu vực Trung Trung Bộ.

#### 3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn trên đa phần diện tích thuộc Bắc Bộ, một phần nhỏ diện tích thuộc Hà Tĩnh và Quảng Bình với xác suất từ 66% đến trên 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của lượng mưa có khả năng xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66% tới trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa dao động từ -200 đến 0mm trên đa phần diện tích phía Bắc (từ Quảng Trị trở ra) và từ 0 đến 400mm trên đa phần diện tích phía Nam (từ Thừa Thiên Huế trở vào).

#### 3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng X, XI, XII thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Kết quả dự báo của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI – Mỹ) cho rằng: số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong mùa bão (từ tháng VII-X) có khả năng vượt chuẩn với xác suất khoảng 45%.

Theo kết quả dự báo của Đại học Tổng hợp Luân Đôn (Anh) ngày 7/V/2015, số XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong năm 2015 có khả năng ở xấp xỉ trung bình nhiều năm (1965-2012).

Theo trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 thì trong 3 tháng X, XI, XII số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam là khoảng 10 đợt.

#### **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

##### **1. Miền Bắc**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

##### **2. Miền Trung**

- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

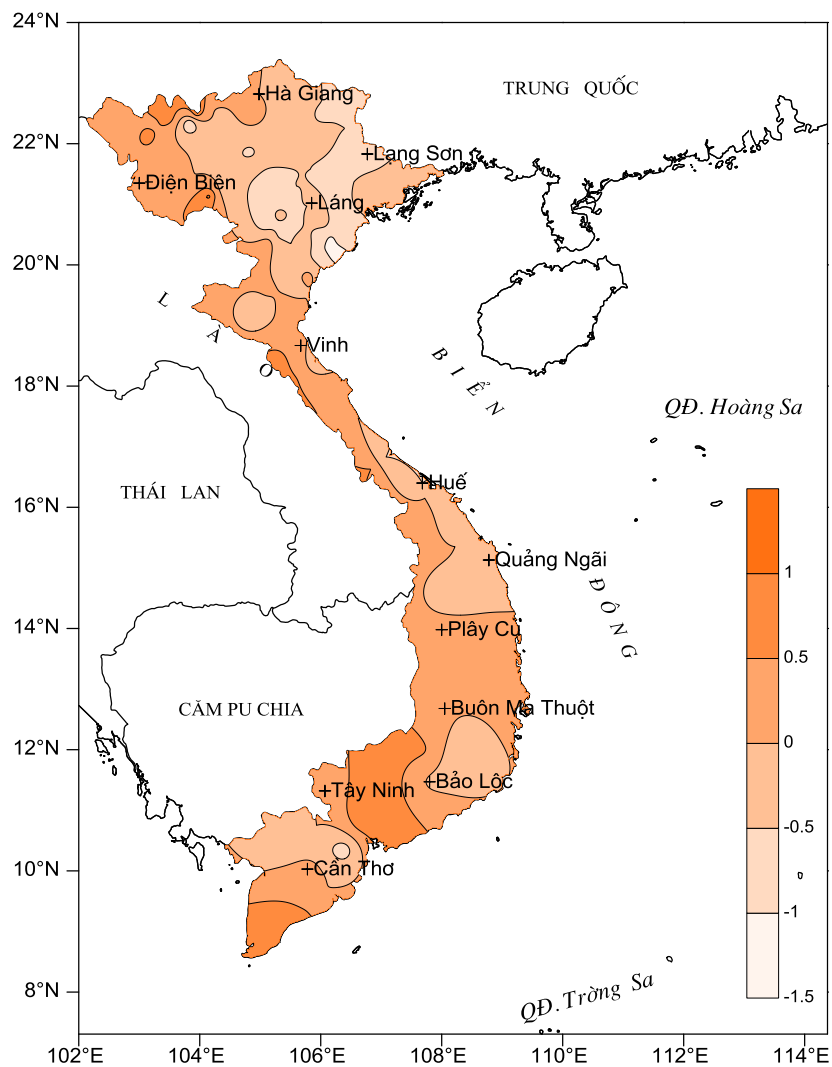
##### **3. Miền Nam**

- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

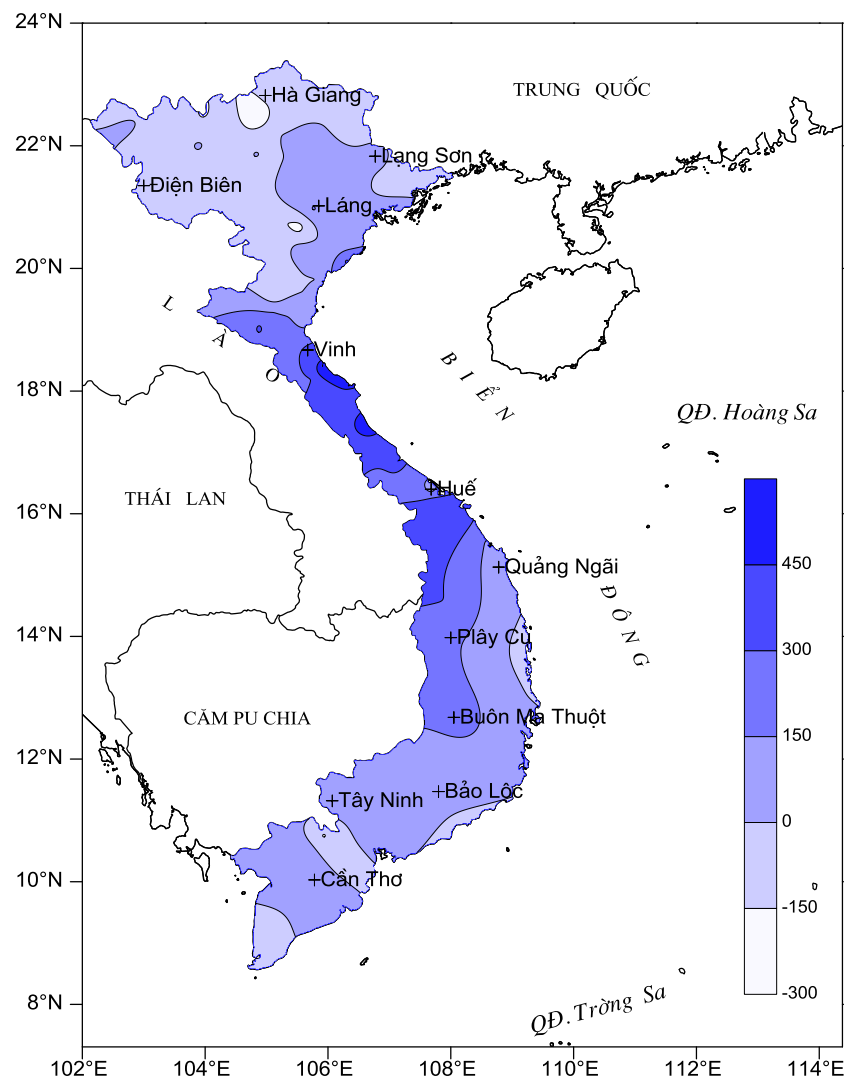
## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng X, XI, XII năm 2015;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng X năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

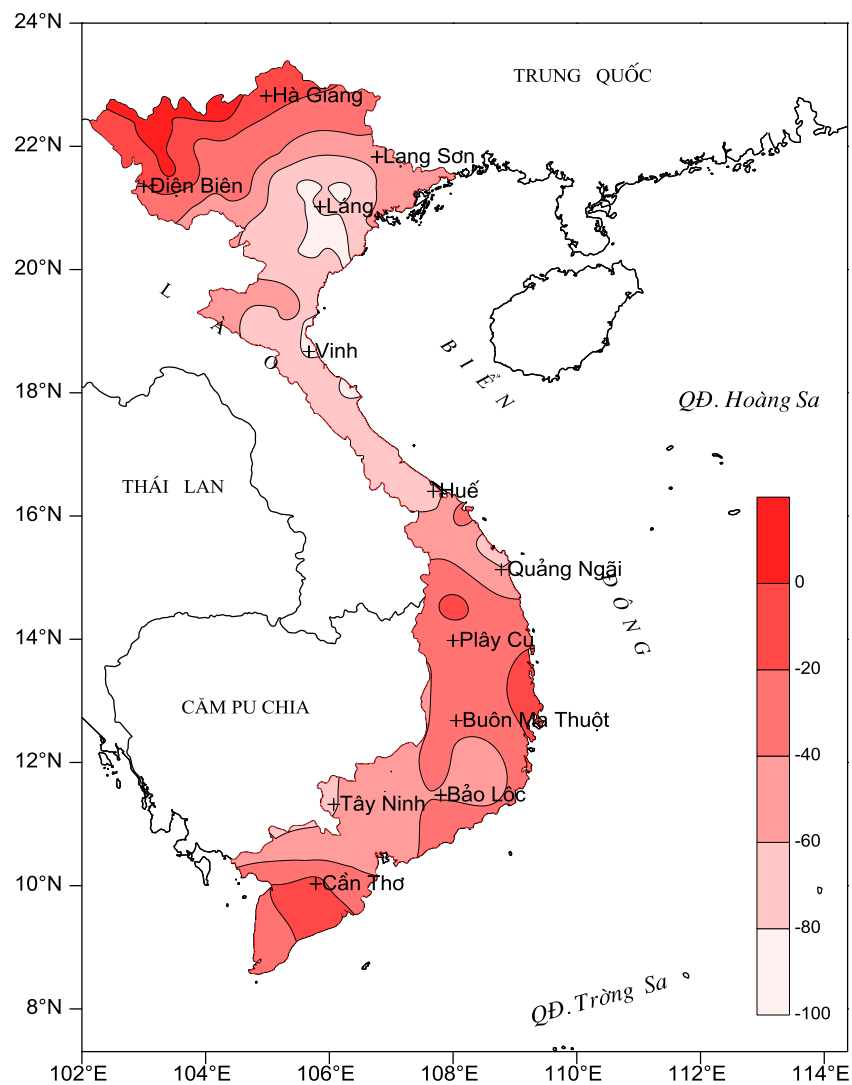




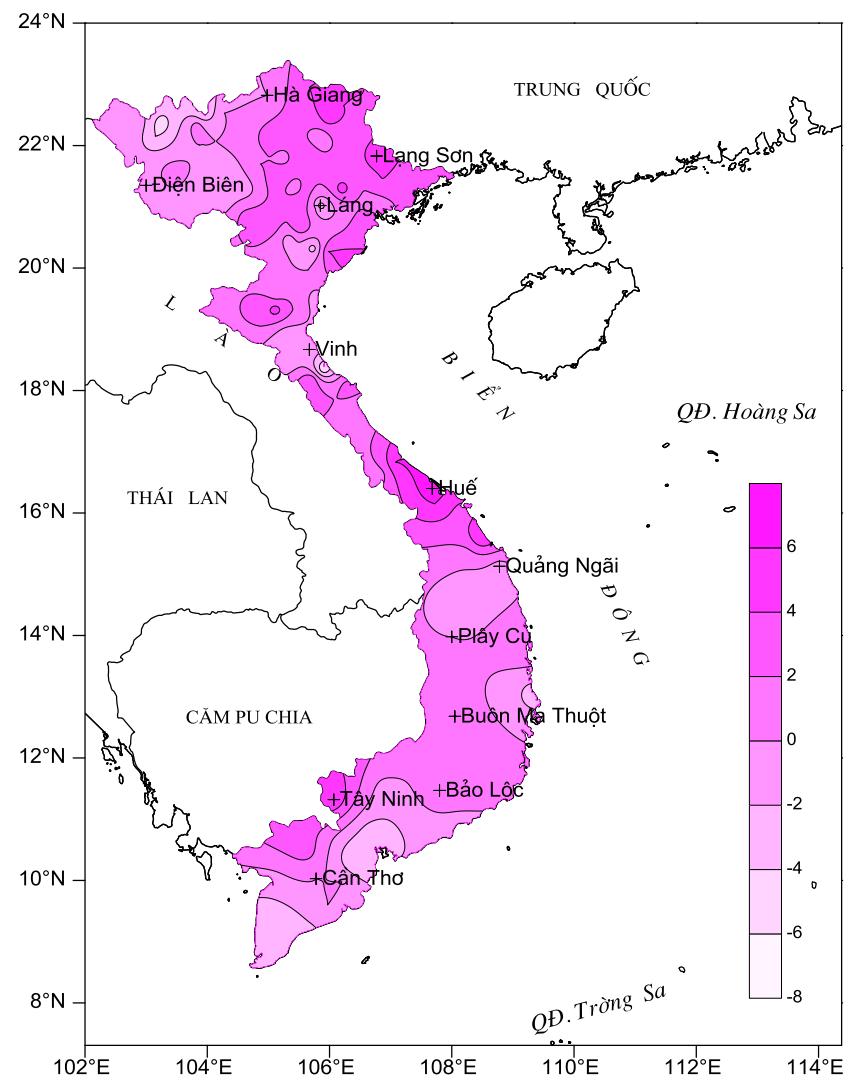
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2015 so với TBNN (°C)



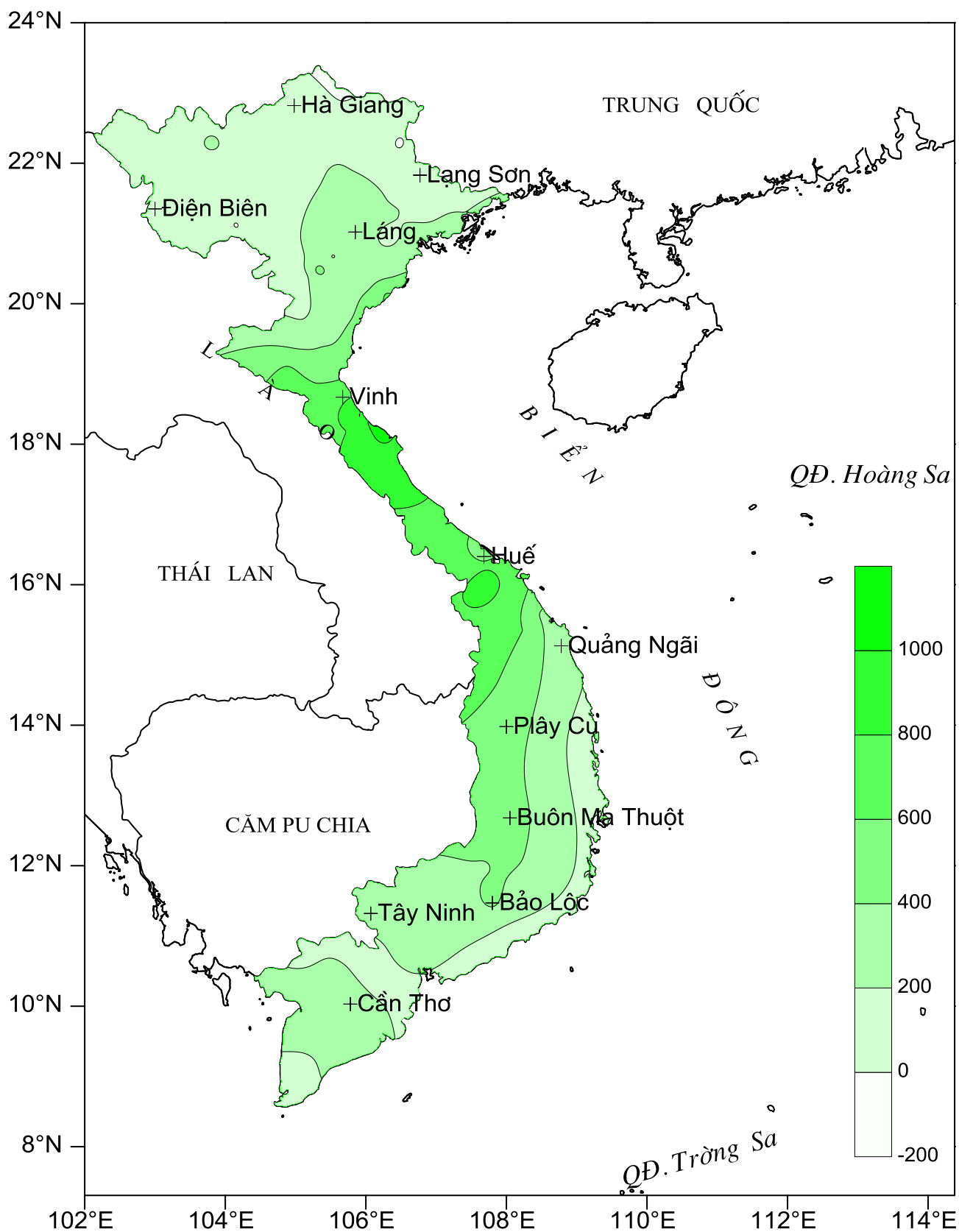
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2015 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2015 (mm)**